

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ UAR

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 20 /NQ-HĐND

Xã Uar, ngày 28 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các
Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ UAR KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ BA (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Gia Lai sau sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Uar về việc đề nghị điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025; Báo cáo số 09/BC-BKTNS ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã Uar về

việc đề nghị điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã Uar và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn xã Uar, cụ thể như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, với số tiền: 6.972,589 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục 01)

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, với số tiền: 2.592 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục 02)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết; quyết định giao chi tiết kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 đảm bảo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

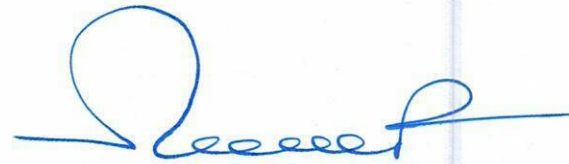
Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Uar khoá VI, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ Ba (chuyên đề), thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực Đảng uỷ xã (b/c);
- Thường trực UBMTTQVN xã;
- VP HĐND-UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nay Quyên

PHỤ LỤC 01

Kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 20 /NQ-HĐND ngày 28 / 11 /2025 của Hội đồng nhân dân xã Uar)

	Danh mục dự án	Dự toán năm 2025				Điều chỉnh Tăng (+)/Giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị giao thực hiện
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=1+5	10=2+6	11=3+7	12=4+8	13
	Tổng cộng điều chỉnh	6.066.100	5.645.000		421.100	905.900	941.858	58.543	-1.501	6.972.589	6.494.456	58.543	419.599	
	Tổng cộng điều chỉnh tăng					2.710.598	2.609.456	58.543	42.599	2.710.598	2.609.456	58.543	42.599	
	Tổng cộng điều chỉnh giảm					-1.804.100	-1.760.000	0	44.100	-1.804.100	1.760.000	0	-44.100	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	682.000	682.000	0	0	0	0	0	0	681.402	681.402	0	0	Phòng Kinh tế
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	460.000	460.000			0	0			460.000	460.000	0	0	
1.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	222.000	222.000			0				222.000	222.000	0	0	
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.032.000	1.932.000	0	100.000	2.617.598	2.609.456	58.543	42.599	4.649.598	4.448.456	58.543	142.599	Phòng Kinh tế
2.1	Tiểu DAL-Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	112.000	112.000			0				112.000	112.000	0	0	
2.2	Tiểu DA2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	1.827.000	1.727.000		100.000	2.710.598	2.609.456	58.543	42.599	4.537.598	4.336.456	58.543	142.599	

	Danh mục dự án	Dự toán năm 2025				Điều chỉnh Tăng (+)/Giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị giao thực hiện
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
2.3	Tiểu DA2 - Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS.	93.000	93.000		0	-93.000	-93.000	0	0	0	0	0	0	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐBDTTS&MN	953.000	820.000	0	133.000	0	0	0	0	953.000	820.000	0	133.000	Phòng Kinh tế
-	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng ĐBDTTS&MN	953.000	820.000		133.000			0	0	953.000	820.000	0	133.000	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1.700.000	1.556.000	0	144.000	-1.012.000	-1.012.000	0	0	688.000	544.000	0	144.000	Phòng VH-XH
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng ĐBDTTS	688.000	544.000		144.000			0	0	688.000	544.000	0	144.000	
4.2	Tiểu DA2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	63.000	63.000		0	-63.000	-63.000	0	0	0	0	0	0	
4.3	Tiểu DA3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	682.000	682.000		0	-682.000	-682.000	0	0	0	0	0	0	
4.4	Tiểu DA4: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp	267.000	267.000		0	-267.000	-267.000	0	0	0	0	0	0	

	Danh mục dự án	Dự toán năm 2025				Điều chỉnh Tăng (+)/Giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị giao thực hiện
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
5	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	387.000	353.000		34.000	-387.000	-353.000	0	- 34.000	0	0	0	0	
6	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn đặc thù	77.000	74.000	0	3.000	-77.000	-74.000	0	-3.000	0	0	0	0	
-	Tiểu DA 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng ĐBDTTS&MN	77.000	74.000		3.000	-77.000	-74.000	0	-3.000	0	0	0	0	
7	Dự án 10: Truyền thông tuyên truyền, vận động trong vùng ĐBDTTS&MN kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	235.100	228.000	0	7.100	-235.100	-228.000	0	-7.100	0	0	0	0	
7.1	Tiểu DA 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện đề án và tổng thể CTMTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS&MN	204.100	199.000		5.100	-204.100	-199.000	0	-5.100	0	0	0	0	
7.2	Tiểu DA 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình	31.000	29.000		2.000	-31.000	-29.000	0	-2.000	0	0	0	0	

PHỤ LỤC 2

Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: **20** /NQ-HĐND ngày **28** / **11** /2025 của Hội đồng nhân dân xã Uar)

Stt	Danh mục dự án	Dự toán năm 2025				Điều chỉnh giảm (-)				Điều chỉnh tăng (+)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị giao thực hiện
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13=1+5+9	14=2+6+10	15=3+7+11	16=4+8+12	
+	Tổng cộng	1.992.000	1.811.000	0	181.000	-886.000	-798.000	0	-88.000	1.486.000	1.398.000	0	88.000	2.592.000	2.411.000	0	181.000	
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	827.000	752.000		75.000	0				600.000	600.000			1.427.000	1.352.000	0	75.000	Phòng Kinh tế
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	392.000	357.000	0	35.000	-187.000	-170.000	0	-17.000	886.000	798.000	0	88.000	1.091.000	985.000	0	106.000	Phòng Kinh tế
3.1	Tiểu DA 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	205.000	187.000		18.000	0				886.000	798.000		88.000	1.091.000	985.000	0	106.000	
3.2	Tiểu DA 2: Cải thiện dinh dưỡng	187.000	170.000		17.000	-187.000	-170.000		-17.000	0				0	0	0	0	
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	773.000	702.000	0	71.000	-699.000	-628.000	0	-71.000	0				74.000	74.000	0	0	Phòng VH-XH
4.1	Tiểu DA 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	524.000	476.000		48.000	-450.000	-402.000		-48.000	0				74.000	74.000	0	0	
4.2	Tiểu DA 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	249.000	226.000		23.000	-249.000	-226.000		-23.000	0				0	0	0	0	